

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**TỈNH PHÚ YÊN**

Bản án số: **56/2022/HS-PT**

Ngày: 17/8/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Nguyễn Việt Hùng;

*Các thẩm phán:* Ông Võ Nguyên Tùng và ông Lê Ngọc Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Giang Nin - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Tám - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 39/2022/TLPT-HS ngày 02 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo N N C và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo N N C, N T M, P N T, T Đ Đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2022/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã S C, tỉnh Phú Yên.

*\* Các bị cáo có kháng cáo:*

**1. N N C** (tên gọi khác: C Dạo), Sinh năm 1979 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: K P P, phường X, thị xã S C, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông N V Ch, sinh năm 1953 và N Th H, sinh năm 1958. Vợ: Đ T Th, sinh năm 1987. Con ruột 02 người, sinh năm 2011 và 2016. Tiền sự: Không; tiền án: Ngày 18/01/2006, bị Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng (nay là TAND cấp cao tại Đà Nẵng) xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 3 Điều 104 BLHS 1999, đến nay N N C chưa thực hiện nghĩa vụ bồi thường dân sự (Người được thi hành án đã có đơn yêu cầu thi hành án tại C cục THADS thị xã S C). Bị cáo tại ngoại, có mặt.

**2. N T M**, Sinh năm 1957 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn Hội Phú, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Nơi tạm trú: Khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ng T (chết) và bà N T S (chết), Vợ: N T N, sinh năm 1959. Có 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh

năm 1995. Tiền sự: Không; tiền án: Tiền án: Ngày 24/11/2008, bị TAND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc theo điểm b khoản 2 Điều 248 BLHS 1999, phạt bổ sung số tiền 3.000.000 đồng, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 05/02/2009, đã chấp hành hình phạt bổ sung và nộp án phí. Ngày 10/5/2010, bị TAND tỉnh Gia Lai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 BLHS 1999 (thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 18/4/2009, số tiền đánh bạc dưới 2.000.000 đồng), phạt bổ sung số tiền 3.000.000 đồng, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 19/12/2010, ngày 29/9/2015 được miễn chấp hành hình phạt bổ sung. Ngày 12/01/2017, bị TAND tỉnh Phú Yên xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 BLHS 1999 (thực hiện hành vi phạm tội vào các ngày 31/8/2014 và 10/6/2015, mỗi lần đánh bạc dưới 2.000.000 đồng), phạt bổ sung số tiền 5.000.000 đồng, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 07/11/2017, chưa chấp hành hình phạt bổ sung. Bị bắt tạm giữ từ ngày 25/02/2021 đến ngày 05/3/2021. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

**3. P N T**, Sinh năm 1988 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông P N T, sinh năm 1967 và bà T T K Y, sinh năm 1970. Vợ: T T V, sinh năm 1990; Có 02 con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 02/8/2017, bị Công an xã An Dân xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã nộp phạt ngày 10/8/2017). Bị bắt tạm giữ từ ngày 25/02/2021 đến ngày 05/3/2021. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

**4. T Đ T**, Sinh năm 1983 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông T V L (chết) và bà P T N T, sinh năm 1960. Vợ: H T M H, sinh năm 1986; Có 02 con lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/7/2016, bị Công an xã An Dân xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã nộp phạt ngày 12/7/2016). Bị bắt tạm giữ từ ngày 25/02/2021 đến ngày 05/3/2021. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

*\*Người bào chữa cho bị cáo N N C:* Luật sư Trần Thị Như Thủy, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo L V H, L N N, L V B, T V H, H V K, N V T, N V M, N T L, P V H, H V Đ nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 25/02/2021, Công an thị xã S C bắt quả tang tụ điểm đánh bạc ăn thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa tại nhà ông L V H thuộc khu phố Phương Phú, phường Xuân Đài, thị xã S C do N T M, L N N làm cái xóc đĩa cho nhiều người tham gia đặt cược, tạm giữ trên Ceu bạc số tiền 9.870.000 đồng; tạm giữ trên người của những người tham gia đánh bạc số tiền 43.574.000 đồng (trong đó có số tiền 4.162.000 đồng dùng đánh bạc); 01 bộ chén đĩa bằng sứ; 04 đồng vị được cắt ra từ lá bài tứ lơ khơ; 01 bóng điện huỳnh quang; 01 tấm bạc nhựa màu vàng - xanh có kích thước (2,35x3,2)m.

Qua điều tra đã xác định được như sau: Khoảng 19 giờ ngày 24/02/2021, N N C gọi điện thoại cho L V H nói với Đ là N T M hỏi mượn địa điểm nhà của Đ tại khu phố Phương Phú, phường Xuân Đài để đánh bạc và C cung cấp các dụng cụ phục vụ cho việc đánh bạc đem lên nhà Đ để phục vụ cho việc đánh bạc thì Đ đồng ý. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, N T M cùng một số người tham gia đánh bạc đến hỏi Đ mượn địa điểm nhà Đ để chơi xóc đĩa và N T M hứa chơi xóc đĩa xong sẽ góp tiền xâu cho Đ từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng để Đ và C Ca nhau tiêu xài thì Đ cung cấp 01 tấm bạc nhựa trải trước sân nhà để đánh bạc, còn N N C cung cấp các dụng cụ dùng cho việc đánh bạc.

N T M làm cái xóc đĩa từ 22 giờ 30 phút đến 22 giờ 45 phút ngày 24/02/2021 và sau đó L N N làm cái xóc đĩa từ lúc 22 giờ 45 phút ngày 24/02/2021 đến 01 giờ ngày 25/02/2021, mỗi ván những người tham gia chơi xóc đĩa đặt cược số tiền dao động từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Riêng ván cuối cùng khi Ng đang làm cái số tiền của những người chơi đang đặt cược trên Ceu bạc là 9.870.000 đồng thì bị bắt quả tang, trong đó N T M đặt cược số tiền 300.000 đồng, N V M đặt cược số tiền 200.000 đồng, N T L đặt cược số tiền 50.000 đồng, L V B đặt cược số tiền 100.000 đồng, H V Đ ném số tiền 150.000 đồng xuống Ceu bạc; số tiền còn lại là tiền dùng đánh bạc.

Đã xác định được những người tham gia đánh bạc, số tiền đánh bạc và kết quả thắng thua của từng người cụ thể như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 24/02/2021, N T M bảo L N N lấy các dụng cụ dùng cho việc đánh bạc như chén, đĩa, dây điện, bóng điện, bài tứ lơ khơ, thớt gỗ tại nhà của N N C thuộc khu phố Phương Phú, phường Xuân Đài đem lên khu vực sân nhà L V H (là cha ruột Ng) để đánh bạc. L N N làm cái xóc đĩa và dùng số tiền 370.000 đồng để đánh bạc, đặt cược từ 03 đến 04 ván, mỗi ván từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng, kết quả không thắng không thua. Thu giữ trên người của L N N số tiền 370.000 đồng.

N T M làm cái xóc đĩa và dùng số tiền 451.000 đồng đánh bạc, đặt cược khoảng 20 ván, mỗi ván từ 50.000 đồng đến 300.000 đồng, có ván thắng, ván thua, kết quả thua 100.000 đồng, đến ván cuối đặt cược 300.000 đồng chưa có kết quả thì bị bắt quả tang. Thu giữ trên người của N T M số tiền 51.000 đồng.

N V M dùng số tiền 3.560.000 đồng đánh bạc, đặt cược từ 15 đến 20 ván, mỗi ván từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, có ván thắng, ván thua, kết quả thua 1.800.000 đồng, đến ván cuối đặt 200.000 đồng chưa có kết quả thì bị bắt quả tang. Thu giữ trên người của N V M số tiền 1.560.000 đồng.

P N T dùng số tiền 305.000 đồng đánh bạc, đặt cược 03 ván, mỗi ván đặt 50.000 đồng, trong đó 02 ván thắng, 01 ván thua, kết quả thắng 50.000 đồng thì bị bắt quả tang. Thu giữ trên người của Tân số tiền 355.000 đồng (Trong đó số tiền 305.000 đồng dùng đánh bạc, 50.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc).

T Đ Dùng số tiền 1.170.000 đồng đánh bạc, đặt cược 02 ván, mỗi ván 200.000 đồng, kết quả thua 400.000 đồng thì bị bắt quả tang. Thu giữ trên người của Thịnh số tiền 770.000 đồng.

N T L dùng số tiền 200.000 đồng đánh bạc, đặt cược 05 ván, mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, kết quả thua 150.000 đồng, đến ván cuối đặt 50.000 đồng chưa có kết quả thì bị bắt quả tang.

L V B dùng số tiền 623.000 đồng đánh bạc, đặt cược 04 ván, mỗi ván từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, kết quả thắng 200.000 đồng, ván cuối đặt 100.000 đồng chưa có kết quả thì bị bắt quả tang. Thu giữ trên người của Bình số tiền 823.000 đồng (Trong đó số tiền 623.000 đồng dùng để đánh bạc, 200.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc).

T V H dùng số tiền 937.000 đồng đánh bạc, tham gia đặt cược 05 ván, mỗi ván từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng, kết quả thua 500.000 đồng thì bị bắt quả tang. Thu giữ trên người của T V H số tiền 437.000 đồng.

N V T dùng số tiền 60.000 đồng đánh bạc, tham gia đặt cược 05 ván, mỗi ván từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng, kết quả thua hết 60.000 đồng.

H V K dùng số tiền 675.000 đồng đánh bạc, tham gia đặt cược khoảng 20 ván, mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, kết quả thua 650.000 đồng thì bị bắt quả tang. Thu giữ trên người của H V K số tiền 25.000 đồng.

P V H dùng số tiền 671.000 đồng đánh bạc, tham gia đặt cược khoảng 20 ván, mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, kết quả thua 650.000 đồng thì bị bắt quả tang. Thu giữ trên người Hưng số tiền 21.000 đồng.

H V Đ dùng số tiền 400.000 đồng đánh bạc, tham gia đặt cược từ 05 đến 06 ván, mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, có ván thắng, ván thua, kết quả thua số tiền 250.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thì Đại ném số tiền 150.000 đồng đang cầm trên tay xuống Cầu bạc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2022/HS-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã S C, tỉnh Phú Yên đã tuyên bị cáo N N C phạm tội “Gá bạc”; các bị cáo N T M, P N T, T Đ T phạm tội đánh bạc.

Áp dụng Điểm b, Khoản 1 Điều 322; Điểm s, p Khoản 1 Điều 51; Điểm h, Khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo N N C 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo N T M 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ vào thời gian đã tạm giữ ngày 25/02/2021 đến ngày 05/3/2021.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo P N T, T Đ Xử phạt:

- Bị cáo P N T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ vào thời hạn tạm giữ ngày 25/02/2021 đến ngày 05/3/2021.

- Bị cáo T Đ T06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ vào thời hạn tạm giữ ngày 25/02/2021 đến ngày 05/3/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần hình phạt chính đối với các bị cáo L V H, L N N, L V B, T V H, H V K, N V T, N V M, N T L, P V H, H V Đ; hình phạt bổ sung, phần xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/4/2022, bị cáo N N C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 04/5/2022, bị cáo N T M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được chuyển hình phạt khác không phải hình phạt tù.

Ngày 09/5/2022, các bị cáo P N T, T Đ T kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa, các bị cáo N N C, N T M, P N T, T Đ T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N N C, N T M, P N T, T Đ T – Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo N N C, luật sư Trần Thị Như Thủy trình bày lời bào chữa: Thống nhất về tội danh cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo, tuy nhiên hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là người khuyết tật nặng, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện không cao; bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hoặc chuyển hình phạt khác nhẹ hơn là cải tạo không giam giữ.

**NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo N N C, N T M, P N T, T Đ Tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác; lời khai người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: L V H và N N C đã thống nhất dùng địa điểm ở sân nhà của L V H tại khu phố Phương Phú, phường Xuân Đài, thị xã S C, tỉnh Phú Yên và Đ cung cấp một tấm bạc, C cung cấp dụng cụ như chén, đĩa, bóng điện; cho N T M, N V M, L N N, P N T, Trần Đức Thịnh, N T L, L V B, T V H, N V T, H V K, P V H và H V Đ sát phạt nhau được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa, để thu lợi bất chính, thì bị bắt quả tang vào khoảng 01 giờ ngày 25/02/2021, với tổng số tiền đánh bạc là 14.032.000đồng (*số tiền thu giữ trên Cẩu bạc là 9.870.000đồng, số tiền thu giữ trên người của các con bạc mà họ dùng sẽ tiếp tục đánh bạc là 4.162.000đồng*). Do đó, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử N N C, Lưu Bá Đ về tội “Gá bạc” theo Khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo N T M, N V M, L N N, P N T, Trần Đức Thịnh, N T L, L V B, T V H, N V T, H V K, P V H và H V Đ về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm an toàn, trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an ở địa phương, các bị cáo đều có nhân thân xấu nên áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo N N C, N T M, P N T, Trần Đức Thịnh, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo N N C đã bị kết án về tội “Cố ý gây thương tích” chưa được xoá án tích lại tiếp tục phạm tội; bị cáo N T M đã nhiều lần bị kết án về tội “Đánh bạc”, trong đó có lần bị kết án chưa được xoá án tích lại tiếp tục thực hiện tội phạm cùng loại; các bị cáo P N T, T Đ T đều đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc chứng tỏ ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo rất kém. Các bị cáo N N C, N T M phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm h, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Khi lượng hình bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo, xem xét nhân thân, áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng và phải chịu để xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù, không cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo mà chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên - Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[3] Các bị cáo N T M, P N T, T Đ T kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo N N C là người khuyết tật nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

*Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo N N C, N T M, P N T, T Đ T – Giữ nguyên bản án sơ thẩm;*

Tuyên bố: Bị cáo N N C phạm tội “Gá bạc”; các bị cáo N T M, P N T, T Đ T phạm tội “Đánh bạc”;

#### **1. Về hình phạt:**

- Áp dụng Điểm b, Khoản 1 Điều 322; Điểm s, p Khoản 1 Điều 51; Điểm h, Khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo N N C 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo N T M 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ vào thời gian đã tạm giữ từ ngày 25/02/2021 đến ngày 05/3/2021.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo P N T, T Đ T xử phạt:

+ Bị cáo P N T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 25/02/2021 đến ngày 05/3/2021.

+ Bị cáo T Đ T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 25/02/2021 đến ngày 05/3/2021.

**2. Về án phí:** Áp dụng Điểm đ, Khoản 1 Điều 12; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo N T M, P N T, T Đ T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Miễn án phí hình sự phúc thẩm đối với bị cáo N N C.

**3.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**4.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao Đà Nẵng (1);
- TAND thị xã S C (2);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Công an thị xã S C (2)
- Sở tư pháp (1);
- Người tham gia tố tụng (1);
- Lưu án văn (1); lưu hồ sơ (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Việt Hùng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Việt Hùng**



